

PHƯƠNG PHÁP LUẬN TIẾP CẬN QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

VĂN ĐỨC THANH (*)

Tiếp cận và luận giải quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự tất yếu phải dựa trên cơ sở phương pháp luận mácxít để phân tích mối liên hệ biện chứng giữa các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của nhà nước. Muốn vậy, cần lược khảo những vấn đề lý luận chung trong lịch sử tư tưởng nhằm khẳng định quan điểm mácxít về nhà nước và chức năng xã hội của nhà nước; đồng thời, lược khảo tiến trình thực hiện các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của các kiểu nhà nước trong lịch sử để có cách nhìn khái quát về các chức năng đó theo tiêu chí nhà nước pháp quyền trong mối quan hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự. Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn - lịch sử đó, chúng ta mới có thể khẳng định nguyên tắc thống nhất các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong mối quan hệ với xã hội dân sự ở nước ta.

1. Xuất phát từ thế giới quan duy tâm về lịch sử, từ lập trường và lợi ích của các giai cấp bóc lột, các nhà tư tưởng trước Mác đều chưa giải thích một cách khoa học về nhà nước và chức năng xã hội của nhà nước. Tuy nhiên, trong những tư tưởng tiến bộ của họ về vấn đề này, vẫn chứa đựng một số yếu tố hợp lý mà chúng ta cần nghiên cứu để kế thừa một cách có chọn lọc.

Triết học phương Đông cổ - trung đại, do lấy con người và cộng đồng xã hội làm khách thể nghiên cứu chủ yếu, đã sớm hình thành nên những quan niệm mang tính khái quát về nhà nước với tư cách công cụ hành chính đặc biệt để "nhận dân" và "trị dân". Phương thức trị dân mà các tư tưởng ấy đưa ra, đầu tiên là "đức trị" và sau đó là "pháp trị", được dần dần hoàn thiện theo hướng pháp chế hoá, và trên thực tế, hoạt động của bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị thời đó cũng hoàn thiện dần theo hướng ấy. Đặc biệt, "pháp trị" là sự phát triển vượt bậc trong tư tưởng về nhà nước, phản ánh sự tiến bộ ở phương diện tổ chức nhà nước. Hơn nữa, do nhu cầu thực tiễn đặt ra, tư tưởng pháp trị không chỉ khẳng định phải luật pháp hoá chức năng "trị dân", mà còn phải luật pháp hoá chức năng nhà nước "lo" cho dân.

Ngay từ khi xuất hiện, các thuyết lý tư tưởng về nhà nước ở Trung Quốc cổ đại đã đặt ra vấn đề nhà nước phải thực hiện cả chức năng "trị dân" và "chăm dân". Phép "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" cùng những rường mối phong kiến mà Khổng Tử đưa ra, mặc dù nghiêng về "đức trị", cũng đã thể hiện điều đó. Ở đây, sự quan tâm của nhà nước không gói gọn trong quan hệ vua - tôi

(*) Đại tá, Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó tổng biên tập Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự.

(chính trị), mà còn mở rộng ra tất cả các quan hệ xã hội - dân sự, như cha - con, anh - em, vợ - chồng... Các học thuyết của Khổng Tử, Tuân Tử... về nhà nước được hiện thực hoá trong đời sống xã hội phong kiến Trung Quốc suốt mấy ngàn năm và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành, phát triển các lý thuyết sau này muốn cách tân nhà nước cũng như chức năng của nhà nước, mà điển hình nhất là chủ nghĩa tam dân của Tôn Dật Tiên.

Ở Ấn Độ cổ đại, các tư tưởng về nhà nước đã sớm khẳng định rằng, quyền lực chính trị (tức là chính quyền) phải được coi trọng. Tuy chính quyền chỉ đứng thứ hai trong năm đẳng cấp và đặt dưới sự chi phối của thần quyền (đẳng cấp Bàlamôn), song trên thực tế, nó trực tiếp điều tiết xã hội và sự điều tiết ấy luôn kết hợp chặt chẽ với giải quyết các vấn đề dân sự, lo cho con người (nhân quyền).

Tư tưởng về nhà nước và chức năng nhà nước cũng xuất hiện rất sớm ở Việt Nam trong các truyền thuyết cổ đại. Trong các truyền thuyết đó, vai trò "chăm dân" của nhà nước luôn được đặt lên trên hết. Vai trò ấy được các triều đại phong kiến đang lên hoặc ở những giai đoạn thịnh trị tiếp nối, hiện thực hoá và phát huy mạnh mẽ. Đó là việc định đô, lập văn hiến, mở khoa thi, chọn hiền tài, thực hiện chính sách "ngụ binh ư nông" bảo vệ đất nước,... dưới thời Lý, Trần. Đó là tư tưởng "dân vi bản", "chở thuyền và lật thuyền cũng là dân", "dân là cái gốc thịnh suy của triều đình, quốc gia dân tộc" của Nguyễn Trãi; là sự hình thành các chế định luật pháp mang tính cải cách lớn về thể chế pháp quyền và phát triển pháp quyền trong đời sống xã hội của Lê Thánh Tôn...

Cách nhìn nhận về nhà nước của triết học phương Tây cổ đại không "mềm dẻo",

thậm chí thường bị tuyệt đối hoá. Bởi vì, nếu triết học phương Đông cổ đại nghiêng về nhân văn, con người thì triết học phương Tây cổ đại nghiêng về sáng tạo, kỹ thuật. Platôn ủng hộ chế độ chủ nô quý tộc, tuyệt đối hoá chức năng chính trị - giai cấp của nhà nước và cho rằng, chính trị chỉ đơn thuần là mục đích tự thân của giai cấp thống trị, được định sẵn một cách siêu nghiệm. Còn Đê-môcrít ủng hộ chế độ chủ nô dân chủ và có quan tâm (tuy hết sức hạn hẹp) đến chức năng xã hội - dân sự của nhà nước.

Hêgen là người đầu tiên đưa ra những khía cạnh bản chất nhất của khái niệm pháp quyền dưới góc nhìn triết học, do đó cho phép nhìn nhận *nhà nước pháp quyền* với tư cách nhà nước xây dựng trên cơ sở quyền uy tối thượng của pháp luật. Song, ông đã sai lầm khi cho rằng, pháp quyền cao nhất của nhân loại thể hiện trong sự tồn tại vĩnh cửu của Nhà nước quân chủ Phổ. Khác với Hêgen, Phoiơbác lại quá nhấn mạnh chức năng xã hội - dân sự của nhà nước trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật nhân bản; ông không hiểu đúng vai trò lịch sử của quần chúng nhân dân, nhất là thể hệ quần chúng nhân dân mới - giai cấp vô sản hiện đại - người có sứ mệnh đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và xây dựng hình thái kinh tế - xã hội mới với chức năng xã hội - dân sự đích thực của nhà nước.

Nói đến những tư tưởng về nhà nước và chức năng nhà nước trước Mác không thể không đề cập tới "lý thuyết đại diện" của Lốccơ, Rút-xô và Mông-texkiơ. Các ông đều có xu hướng phủ nhận thần quyền và cho rằng, mọi quyền lực trong xã hội, về nguyên tắc, đều thuộc về nhân dân, nhưng do những lý do thực tế, họ không thể trực tiếp thực hiện toàn bộ quyền lực của mình mà phải uỷ thác cho

những người đại diện, tức nhà nước, để thay mặt họ thực hiện quyền lực. Đó là thực chất, là cái cốt lõi nhất của lý thuyết dân chủ đại diện.

Như vậy, trong các trào lưu tư tưởng trước Mác về nhà nước và chức năng xã hội của nhà nước, có những giá trị có thể khai thác để luận giải quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự, như tư tưởng về các chức năng của nhà nước, cả chức năng thống trị giai cấp, chức năng xã hội - chính trị, chức năng điều tiết đời sống xã hội dân sự và chức năng xã hội - dân sự; đặc biệt là quan niệm về tính tất yếu của sự điều chỉnh xã hội bằng pháp luật của nhà nước. Song, tất cả các trào lưu tư tưởng ấy đều chứa đựng những hạn chế do điều kiện lịch sử - giai cấp, như không thấy được vai trò của quần chúng nhân dân lao động, đặc biệt là của giai cấp vô sản trong xây dựng nhà nước và tổ chức nhà nước của chính mình; không thấy được bản chất giai cấp của nhà nước, kể cả nhà nước pháp quyền, coi nhà nước chỉ là sự thống trị của một giai cấp nhất định; không thấy được sự thống nhất biện chứng và sự tác động qua lại giữa hai chức năng nhà nước một cách hiện thực.

Cuộc cách mạng vĩ đại về lý luận - tư tưởng do C.Mác, Ph.Ăngghen thực hiện và được V.I.Lênin phát triển, đặc biệt là sự sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, đã đem lại *cách nhìn nhận khoa học về nhà nước và chức năng xã hội của nhà nước trên mọi bình diện*. Vận dụng sáng tạo học thuyết ấy vào điều kiện của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phát triển và làm sâu sắc nhiều khía cạnh bản chất của một nhà nước do giai cấp công nhân lãnh đạo, đặt nền móng lý luận vững chắc cho quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta.

Bàn về sự xuất hiện của nhà nước trong lịch sử, quan điểm mácxít khẳng định rằng, nhà nước chỉ xuất hiện khi đời sống xã hội phải "cần" đến nhà nước, đồng thời phải có đủ khả năng "nuôi" được nhà nước. Trong thực tiễn lịch sử, điều kiện cần và đủ ấy chính là sự phát triển của sản xuất xã hội đến trình độ tạo ra được "của dư", và khi đó, tất yếu làm xuất hiện tư tưởng tư hữu và chế độ tư hữu. Sự xuất hiện chế độ tư hữu dẫn đến tình trạng một bộ phận người có tư liệu sản xuất chiếm đoạt lao động của một bộ phận người khác không có tư liệu sản xuất và xã hội bắt đầu có sự phân hoá giai cấp. Đến lượt nó, sự phân hoá giai cấp tất yếu dẫn đến đối kháng giai cấp, và nhà nước là sản phẩm của những đối kháng giai cấp không thể điều hoà. Đó là thực chất của sự hình thành nhà nước, mặc dù về hình thức biểu hiện, sự xuất hiện nhà nước thường gắn với việc đáp ứng nhu cầu chiến tranh giữa các cộng đồng cư dân và dường như là công cụ để bảo vệ lợi ích chung cho mỗi cộng đồng.

Quan điểm mácxít phân tích sâu sắc *những đặc trưng chủ yếu của nhà nước*, như quản lý xã hội theo lãnh thổ (chứ không phải theo huyết thống, tập tục, văn hoá...); quản lý bằng pháp luật và các quy phạm xã hội mang tính cưỡng chế; có bộ máy tổ chức quyền lực và các thiết chế xã hội tương ứng với kiểu tổ chức quyền lực của bộ máy nhà nước; quyền lực nhà nước được đặt trên một cơ sở kinh tế - xã hội nhất định... Tất cả các đặc trưng ấy chỉ là sự phản ánh *bản chất giai cấp của nhà nước*. Bất cứ nhà nước nào cũng là cơ quan thực hiện ý chí thống trị của một giai cấp được pháp luật hoá, là sự thống trị giai cấp (nhằm trấn áp sự phản kháng của giai cấp đối lập) chứ không phải là cơ quan điều hoà

mâu thuẫn giai cấp; không có nhà nước của nhiều giai cấp hay đứng trên giai cấp. Chức năng xã hội - chính trị của nhà nước chính là sự phản ánh phương diện này. Song, không phải giai cấp nào cũng có thể tổ chức ra nhà nước mà phải là giai cấp đại biểu cho phương thức sản xuất mới tiên tiến, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội; có hệ tư tưởng độc lập và đáp ứng được đòi hỏi của thời đại, có khả năng tập hợp lực lượng nhờ sự liên minh với các giai cấp ít nhiều có chung lợi ích. Đây là phương diện luôn được phản ánh trong chức năng xã hội - dân sự của nhà nước.

Quan điểm mácxít *tiếp cận chức năng xã hội của nhà nước* dưới rất nhiều góc độ, song đều xuất phát từ nguyên tắc khẳng định bản chất giai cấp của nhà nước như đã nêu ở trên. Theo góc độ lý luận xã hội - chính trị, có thể tiếp cận chức năng của nhà nước từ sự phân định giữa các nhà nước thống trị, bóc lột với nhà nước chuyên chính vô sản - hình thức nhà nước mà ngoài chức năng bạo lực trấn áp, còn có chức năng đặc thù là tổ chức xây dựng xã hội mới. Dưới góc độ phương pháp luận triết học, có thể quan niệm rằng, nhà nước nào cũng cần thực hiện cả chức năng chính trị - giai cấp, tức là tổ chức thực hiện sự thống trị của một giai cấp đối với toàn xã hội, và chức năng xã hội, tức là giải quyết tất cả những vấn đề trong đời sống xã hội có liên quan đến phương diện pháp luật.

Trên cơ sở phương pháp luận ấy, lý luận về nhà nước và pháp luật tiếp cận chức năng xã hội của nhà nước trên các khía cạnh xã hội - chính trị và xã hội - dân sự. Và, xét đến cùng, các góc độ tiếp cận đa dạng trên cùng biểu hiện một vấn đề bản chất. Đó là, "Trước hết, bất cứ quyền lực chính trị nào ban đầu cũng đều dựa trên một chức năng kinh tế, xã

hội... Hai là, sau khi quyền lực chính trị đã trở thành độc lập đối với xã hội, sau khi đã từ người đầy tớ mà trở thành người chủ rồi thì nó có thể tác động theo hai chiều hướng. Hoặc nó tác động theo ý nghĩa và chiều hướng của sự phát triển kinh tế có tính chất quy luật. Như thế thì giữa quyền lực chính trị và sự phát triển kinh tế không có một sự xung đột nào và sự phát triển kinh tế được đẩy nhanh hơn. Hoặc nó chống lại sự phát triển kinh tế, và khi đó trừ một vài ngoại lệ ra, thường thường nó chịu sức ép của sự phát triển kinh tế"(1).

Quan điểm mácxít không những vạch rõ cơ sở xã hội - chính trị của sự xuất hiện nhà nước trong lịch sử, bản chất của nhà nước và vai trò to lớn của nó trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, mà còn cung cấp cho chúng ta những *nguyên tắc phương pháp luận hết sức quan trọng* để nghiên cứu chức năng xã hội - chính trị và chức năng xã hội - dân sự của các kiểu nhà nước trong lịch sử, cũng như làm rõ mối liên hệ biện chứng giữa các chức năng đó.

Phương pháp luận mácxít đòi hỏi, khi tiếp cận mối liên hệ biện chứng giữa chức năng xã hội - chính trị với chức năng xã hội - dân sự của nhà nước, cần giữ vững nguyên tắc khách quan - toàn diện. Trước hết, cần khẳng định tính khách quan của từng chức năng cũng như tính khách quan của mối liên hệ biện chứng nội tại giữa các chức năng ấy. Đồng thời, khi xem xét một chức năng, phải luôn luôn đặt nó trong sự tác động qua lại với chức năng kia; phải nghiên cứu kỹ sự thể hiện các chức năng trên mọi phương diện, mọi lĩnh vực của đời

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 257.

sống xã hội, trong mối liên hệ biện chứng với các chế định xã hội khác; đặc biệt, phải lập luận lôgic sự phát triển của từng chức năng cũng như mối liên hệ giữa chúng trong tiến trình lịch sử nhân loại.

Gắn liền với nguyên tắc khách quan - toàn diện, khi tiếp cận mối liên hệ biện chứng giữa chức năng xã hội - chính trị với chức năng xã hội - dân sự của nhà nước, cần vận dụng nguyên tắc lịch sử - cụ thể. Lịch sử tư tưởng về các chức năng nhà nước nói trên là sự xuyên suốt của các quan điểm nối tiếp nhau, kế thừa nhau và phê phán, thay thế nhau. Song, mỗi quan điểm, tư tưởng có cách thức tiếp cận riêng, nên phải nhìn nhận nó trong những điều kiện lịch sử cụ thể, đồng thời phải kế thừa có chọn lọc cũng như tìm ra sự phát triển mới về chất trong tất cả các hệ thống quan điểm đó một cách hợp quy luật.

Việc tiếp cận mối liên hệ biện chứng giữa các chức năng của nhà nước còn phải tuân theo nguyên tắc tính hệ thống - chỉnh thể và lôgic, nghĩa là phải xem xét nhất quán từng chức năng của nhà nước trong một chỉnh thể thống nhất. Nguyên tắc này đòi hỏi xem xét mối liên hệ phổ biến giữa các chức năng đó một cách có hệ thống, thống nhất trong cả phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Trong nghiên cứu các vấn đề xã hội, nhất thiết không được xa rời nguyên tắc tính giai cấp và tính đảng. Dù các chức năng của nhà nước được tiếp cận dưới góc độ khoa học nào, được gọi tên là chức năng gì..., chúng vẫn biểu hiện bản chất giai cấp của từng kiểu nhà nước nhất định. Trong thực tiễn lịch sử, vấn đề tuyên ngôn tính đảng chỉ được thực hiện ở Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, và mục đích tiếp cận nghiên cứu các chức năng của nhà

nước ấy, xét đến cùng, là để bảo đảm tốt hơn sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nhà nước và quá trình xây dựng nhà nước của mình. Nguyên tắc này đòi hỏi phải loại bỏ triệt để vấn đề đa nguyên, đa đảng không chỉ vì lý do chính trị, tức là gây ảnh hưởng xấu đến chế độ xã hội chủ nghĩa, mà còn chủ yếu vì lý do khoa học: không thể có giai cấp nào chia sẻ quyền thống trị nhà nước, kể cả nhà nước tư sản vẫn chỉ là thực hiện ý chí của giai cấp tư sản, dù về hình thức có nhiều đảng phái đối lập cùng chi phối nhà nước...

Để tiếp cận đúng đắn mối liên hệ biện chứng giữa chức năng xã hội - chính trị với chức năng xã hội - dân sự của nhà nước trong lịch sử, còn phải tuân thủ đầy đủ nguyên tắc thống nhất giữa vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ. Cơ sở khoa học của nguyên tắc này xuất phát từ lý luận và thực tiễn của mối quan hệ hữu cơ giữa cá nhân và xã hội. Nhà nước thực hiện các chức năng của mình không chỉ thông qua vai trò của cộng đồng xã hội, mà còn thông qua hoạt động tích cực của từng cá nhân, đặc biệt là các lãnh tụ. Chính vì vậy, luận giải sự tác động mang tính cộng đồng đối với quá trình thực hiện hai chức năng của nhà nước thông qua chế độ dân chủ của quần chúng nhân dân luôn phải được nhìn nhận trong mối quan hệ chặt chẽ với vai trò của các lãnh tụ.

Nguyên tắc phương pháp luận mácxít còn đòi hỏi tiếp cận toàn diện vấn đề mối quan hệ cá nhân - xã hội: quan hệ ấy tác động thế nào đến các chức năng xã hội của nhà nước; trong điều kiện nào thì vị thế và "danh chính" của cá nhân trước xã hội trở nên tích cực hoặc tiêu cực; xã hội khẳng định và tôn vinh cá nhân (đặc biệt là lãnh tụ) qua thực hiện hai chức

năng có gì thống nhất và có gì mâu thuẫn; vấn đề trách nhiệm gắn liền với quyền lợi, trách nhiệm cá nhân - lợi ích tập thể, trách nhiệm tập thể - lợi ích cá nhân ra sao...

Từ những nguyên tắc phương pháp luận mácxít như đã phân tích trên đây, bao giờ cũng phải xem xét *sự phát triển các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của nhà nước trong mối quan hệ với xã hội dân sự*. Bởi vì, nhà nước thực hiện các chức năng của mình không phải vì mục đích tự thân, mà vì nhu cầu đa dạng của đời sống xã hội, và xét đến cùng, chính là để xây dựng xã hội dân sự "theo hình ảnh của giai cấp thống trị".

Trong quan hệ của nhà nước với xã hội dân sự, trước hết phải nói đến quá trình giải quyết các vấn đề xã hội - dân sự của nhà nước. Việc thực hiện đầy đủ các chức năng của nhà nước, nhất là chức năng xã hội - dân sự, là tác nhân quan trọng hàng đầu làm cho quan hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự thêm chặt chẽ và vị thế nhà nước được nâng cao trong đời sống xã hội. Còn nếu nhà nước không giải quyết thoả đáng những vấn đề xã hội - dân sự, nó không những có thể gây nên những xáo trộn không đáng có trong đời sống xã hội dân sự, mà còn làm suy giảm vai trò của nhà nước. Tất nhiên, nhà nước quan hệ với xã hội dân sự phải thông qua việc thực hiện tất cả các chức năng của nó, chứ không chỉ là chức năng xã hội - dân sự.

Chức năng xã hội - chính trị vốn phản ánh bản chất, lập trường giai cấp của nhà nước và về thực chất, nó khẳng định quyền lực của giai cấp thống trị. Nhưng mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa nhà nước với xã hội dân sự còn làm cho bản thân chức năng xã hội - chính trị của nhà nước ngày càng "tìm" được sức

mạnh nhờ đồng thời phản ánh và giải quyết được nhu cầu và lợi ích của xã hội về phương diện xã hội - dân sự.

Chức năng xã hội - dân sự của nhà nước cũng diễn ra theo khuynh hướng tương tự. Vốn phản ánh những phương thức và tính chất tổ chức cộng đồng nói chung, chức năng xã hội - dân sự của nhà nước phát triển theo hướng ngày càng phản ánh sự mở rộng và những bước tiến bộ mới của các phương thức tổ chức đời sống cộng đồng trong lịch sử. Nhưng do quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa nhà nước với xã hội dân sự, nên chức năng xã hội - dân sự của nhà nước, trong khi phản ánh và giải quyết nhu cầu của xã hội dân sự, thường "cài" lợi ích của giai cấp thống trị vào trong đó, đồng thời "dân sự hoá" lợi ích của giai cấp thống trị trong đời sống xã hội dân sự.

Như vậy, trong điều kiện mối quan hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự ngày càng trở nên chặt chẽ, chức năng xã hội - dân sự cũng ngày càng gắn với chức năng xã hội - chính trị, và ngược lại, chức năng xã hội - chính trị của nhà nước luôn có xu hướng mở rộng sang các vấn đề xã hội - dân sự và "mô phỏng" các kinh nghiệm giải quyết vấn đề xã hội - dân sự.

Tuy nhiên, cần phải thấy cả chiều hướng của sự thống nhất giữa hai chức năng và cả tính độc lập (thậm chí đối lập) của mỗi chức năng đó trong giải quyết quan hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự. Hơn nữa, sự thống nhất giữa các chức năng của nhà nước luôn được thực hiện trong tính độc lập của từng chức năng và ngược lại, xu hướng đối lập của các chức năng không thể thoát ly được chính cái tiền đề tạo nên sự thống nhất giữa chúng. Mặt khác, cần nhấn mạnh rằng, khả năng dẫn đến sự thống nhất

giữa các chức năng hoặc khả năng dẫn đến sự ưu trội của một trong số chúng bao giờ cũng tùy thuộc vào từng hoàn cảnh lịch sử nhất định, từng kiểu nhà nước cụ thể trong lịch sử.

Tiếp cận dưới góc độ phương pháp luận mácxít cho thấy, quá trình *thực hiện thống nhất chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của các kiểu nhà nước trong lịch sử* được bộc lộ ở nhiều hình thái đa dạng và đều chứa đựng những mâu thuẫn nội tại. Lịch sử phát triển của các kiểu nhà nước đã chứng minh rằng, bất cứ nhà nước nào, xét đến cùng, cũng đều phải thực hiện cả hai chức năng nói trên, và dù với phương thức thực hiện như thế nào thì hai chức năng ấy cũng luôn có sự thống nhất ở mức độ nào đó; đồng thời, thể hiện ra ở một hình thái nào đó.

Trong *nhà nước dân chủ chủ nô*, sự thống nhất giữa các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự là sự thống nhất trực tiếp, do cơ sở xã hội - chính trị *bóc lột phi nhân tính* quy định. Thực tế, những người nô lệ không được coi là công dân, không được tham gia vào thực hiện bất kỳ một chức năng nhà nước nào, và trở thành lực lượng thù địch với nền dân chủ chủ nô. Chính vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp nô lệ là sự phản kháng tất yếu, cũng như sự thay thế nhà nước chủ nô bằng nhà nước phong kiến là bước phát triển hoàn toàn hợp quy luật.

Nhà nước chuyên chế phong kiến đã loại bỏ chức năng xã hội - dân sự trong thể chế của mình để hướng tới thực hiện chế độ tập quyền và không cần đến dân chủ. Mọi vấn đề xã hội, dù là xã hội - chính trị hay xã hội - dân sự, đều được giải quyết trực tiếp bằng vương quyền (và thường là kết hợp với thân quyền). Tuy nhiên, chính những trạng thái thực

tế, như cát cứ, "phép vua thua lệ làng" mới thực sự thiết lập quan hệ trực tiếp giữa giai cấp quý tộc phong kiến với xã hội dân sự, gạt triều đình trung ương vào vị thế "hữu danh vô thực", trở thành "vật trang trí cao cấp" cho xã hội quan phương.

Nhà nước tư sản thiết lập sự thống nhất các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự trên nguyên tắc tam quyền phân lập. Giai cấp tư sản không thể xây dựng nhà nước của mình theo thể chế chuyên chế mà phải theo thể chế dân chủ, nhưng là thứ dân chủ theo lập trường tư sản, dân chủ hình thức, cắt xén, hạn chế... Đặc trưng nổi bật trong sự thống nhất các chức năng của nhà nước tư sản là dựa trên cơ sở tính tối cao của hiến pháp để xây dựng Nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện các chức năng nhà nước trong sự thống nhất cao độ. Sự thống nhất ấy thuộc về bản chất của nền chuyên chính của giai cấp công nhân. Trên thực tế, việc thực hiện chức năng xã hội - chính trị của Nhà nước xã hội chủ nghĩa bao giờ cũng cần đến chức năng xã hội - dân sự, và ngược lại, để đáp ứng nhu cầu không chỉ cải tạo xã hội cũ, mà còn chủ yếu là xây dựng xã hội mới. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không thực hiện tam quyền phân lập theo kiểu Nhà nước pháp quyền tư sản, song có sự phân công quyền lực để kiểm sát lẫn nhau; đồng thời, việc điều tiết xã hội dân sự được "trả" về chức năng xã hội - dân sự và chức năng này ngày càng chiếm vị trí ưu trội trong đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, dù tự phát hay tự giác, tất cả các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử đều thực hiện một cách thống nhất chức năng xã hội - chính trị và xã

hội - dân sự. Nhưng đó là *sự thống nhất trong mâu thuẫn*. Và hơn nữa, những mâu thuẫn nội tại giữa các chức năng ấy cũng hội nhập vào hệ động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển của các nhà nước. Từ lịch sử và logic phát triển của các nhà nước, có thể khái quát một số mâu thuẫn sau:

Mâu thuẫn giữa chính quyền và dân quyền, công quyền và nhân quyền. Dù các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của nhà nước được thực hiện thống nhất đến đâu, tính chất thống nhất thế nào thì mâu thuẫn này vẫn tồn tại khách quan. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, khi mâu thuẫn này đạt đến cực điểm, cách mạng xã hội tất yếu diễn ra.

Mâu thuẫn giữa quyền lợi chung của xã hội với lợi ích của các giai cấp. Vấn đề lợi ích, mà thực chất và xét đến cùng là lợi ích kinh tế, bao giờ cũng giữ vai trò động lực xuyên suốt và chi phối sự thực hiện các chức năng xã hội của nhà nước. Không thể có sự dung hoà hoàn toàn giữa các lợi ích, song vấn đề là mọi giai cấp và tầng lớp xã hội đều ít nhiều tìm thấy bóng dáng lợi ích của mình trong quá trình nhà nước thực hiện các chức năng xã hội. Cho nên, trong đời sống xã hội, quá trình hiệp thương về cả phương diện chính trị và phương diện dân sự luôn diễn ra không ngừng và đó chính là động lực thúc đẩy sự hoàn thiện của nhà nước.

Mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp thống trị, bóc lột. Sự phân hoá và mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp thống trị, bóc lột là tất yếu do cơ sở kinh tế dựa trên chế độ tư hữu quy định. Các nhóm lợi ích khác nhau, đại biểu cho mặt kháng định và mặt phủ định của bản thân sự thống trị và giai cấp thống trị, tất yếu dẫn đến sự phân chia quyền lực. Do vậy, sự xuất hiện chế độ tam quyền phân lập tư sản,

một mặt, là bước tiến bộ lớn về phương diện tổ chức nhà nước (hình thái nhà nước pháp quyền); mặt khác, phản ánh mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp thống trị và bóc lột đã lên đến đỉnh điểm.

Mâu thuẫn giữa đối nội và đối ngoại. Các nhà nước bóc lột dựa trên chế độ tư hữu nên luôn có xu hướng mở rộng sự bóc lột, do đó, khi giải quyết ổn thoả các vấn đề về đối nội thường lại nảy ra những bức xúc trong đối ngoại và ngược lại. Còn Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong khi tổ chức xây dựng xã hội mới, phải đồng thời bảo vệ thành quả cách mạng, cho nên việc giải quyết về đối nội luôn được đặt trong mối liên hệ với quá trình giải quyết các vấn đề về đối ngoại. Mặt khác, với bất cứ kiểu nhà nước nào thì quan hệ đối ngoại cũng có cả hai phương diện lập thành một "cặp đối lập": đối ngoại chính trị (đối ngoại nhà nước) và đối ngoại dân sự (đối ngoại phi chính phủ).

Sự vận động của tất cả các mâu thuẫn trên đây đã thúc đẩy nhà nước phát triển không ngừng. Bởi vì, khi giải quyết được mâu thuẫn này tất yếu nảy ra mâu thuẫn khác, giải quyết một mâu thuẫn ở trình độ này cũng thường làm nảy ra sự đòi hỏi giải quyết ở trình độ khác cao hơn. Chính trong quá trình giải quyết các mâu thuẫn ấy mà nhà nước tự hoàn thiện mình. □

Tóm tắt: *Quan hệ giữa nhà nước và đời sống xã hội là vấn đề rất quan trọng. Phương pháp luận mácxít đã mang lại cách nhìn khoa học về nhà nước cũng như chức năng xã hội của nhà nước. Đặc biệt, nó cho phép thấy được sự thống nhất giữa chức năng xã hội - chính trị và chức năng xã hội - dân sự của nhà nước - một sự thống nhất trong mâu thuẫn. Những mâu thuẫn nội tại giữa các chức năng đó hội nhập vào hệ động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển của nhà nước.*